TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYÊN HA HOÀ- TỈNH PHÚ THO	**Đôc lâp - Tư do-Hanh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28/12/2017
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Văn Võ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. **Ông Nguyễn Văn Sáng**
2. **Ông Nguyễn Văn Tiệm**

***- Thư ký phiên toà:* Ông Ngô Văn Tứ** .
- VKSND huyện Hạ Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thật – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2017
Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B sinh năm 1991. Có mặt
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương G sinh năm 1994. Có mặt
Đều có địa chỉ: Khu 4, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hương G ngày 18/10/2013 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau cưới chị về làm dâu nhà anh B ngay, ăn chung, ở chung với bố mẹ đẻ anh B. Sau 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn xẩy ra cãi nhau giữa chị G và mẹ anh B, chị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh cũng chuyển khẩu về sống tại nhà bố mẹ đẻ chị G tại khu 4 xã C, huyện H. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng không làm ra tiền, do vậy xẩy ra cãi nhau, chị G đã nhiều lần chửi xưng mày tao với anh và viết đơn xin ly hôn bảo anh ký, nhưng anh không ký và xé tờ đơn đó đi mục đích để chị G nghĩ lại và thay đổi, nhưng chị G không thay đổi. Vợ chồng có con chung, khi bố mẹ anh lên chơi thăm cháu thì chị G không cho bố mẹ anh bế cháu, không cho cháu về chơi với ông bà. Đến năm 2017 anh thấy chị G không thay đổi,

không về thăm bố mẹ anh lần nào, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị G ly hôn.

Về con chung:

Anh và chị G có 01 con chung : Nguyễn Bảo K, sinh ngày 12/11/2014. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K.

Về tài sản chung, công nợ chung:

Anh B xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về công sức đóng góp:

Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị Hương G trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh B ngày 18/10/2013 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T , tỉnh Phú Thọ. Sau cưới chị về làm dâu nhà anh B ngay, ăn chung, ở chung với bố mẹ đẻ anh B được một thời gian khoảng 03 tháng, do gia đình chị có 2 chị em gái được sự nhất trí của bố mẹ chồng nên vợ chồng chị đã chuyển lên nhà bố mẹ chị ở khu 4 xã C ở từ đầu năm 2014 đến nay. Quá trình chung sống từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Nay anh B làm đơn xin ly hôn chị rất bất ngờ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng chị đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng đang hạnh phúc, mặt khác hiện tại con chung của anh chị đang bị bệnh tự kỷ rất cần sự chăm sóc và trách nhiệm của cả bố mẹ nên chị không đồng ý ly hôn.

Con chung:

Chị G xác nhận vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Bảo K, sinh ngày 12/11/2014 đang bị bệnh tự kỷ.

Nếu ly hôn: Chị G yêu cầu được nuôi dưỡng.

Tài sản chung, công nợ chung:

Chị G xác nhận: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về công sức đóng góp:

Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, HĐXX đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX không chấp nhân yêu cầu ly hôn của anh B.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức; Đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh B phải chịu 300.000đ .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý, triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hương G kết hôn với anh Nguyễn Thanh B ngày 18/10/2013 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, là một hôn nhân hợp pháp. Sau cưới anh chị về ăn chung, ở chung với bố mẹ đẻ anh B được một thời gian khoảng 03 tháng, sau đó vợ chồng anh chị chuyển đến nhà bố mẹ đẻ chị G tại khu 4 xã C ở, anh B trình bày do mâu thuẫn giữa mẹ anh B và chị G nên vợ chồng chuyển đến ở gia đình chị G, chị G trình bày do gia đình chị có 2 chị em gái được sự nhất trí của bố mẹ chồng nên vợ chồng chị đã chuyển lên nhà bố mẹ chị ở khu 4 xã C ở từ đầu năm 2014 đến nay.

Xét quá trình chung sống của chị G và anh B:

Chị G trình bày: Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Nay anh B làm đơn xin ly hôn chị rất bất ngờ, chị yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng chị đoàn tụ vì vợ chồng đang hạnh phúc chị không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh: Tòa án đã về làm việc với địa phương, chính quyền địa phương và Hội phụ nữ xã C đều xác định:

Chị G và anh B về ở với gia đình chị G sau đó vợ chồng đi làm ăn ở Bắc Ninh, do con anh chị bị bệnh chị G đã về chữa bệnh cho cháu; Quá trình chung sống anh chị sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn, không có lý do để ly hôn. Do vậy đề nghị Tòa án xử bác đơn ly hôn của anh B để tạo điều kiện cho anh chị về đoàn tụ.

Ông Nguyễn Văn C1 là bố đẻ của chị G cung cấp như sau:

Từ khi anh B và chị G chuyển về sống và nhập khẩu tại gia đình ông thì anh chị sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Nay không biết lý do gì mà anh B làm đơn yêu cầu ly hôn, từ khi anh B làm đơn ly hôn không về nhà ông nữa, ông cũng đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của anh B để vợ chồng anh chị về đoàn tụ.

Căn cứ vào lời trình bày và yêu cầu của chị G và kết quả của việc xác minh, thu thập chứng cứ như đã nêu trên cho thấy: Quá trình chung sống của vợ chồng anh B và chị G sau khi kết hôn về chung sống trong gia đình anh B tại khu 5 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, thời gian 03 tháng. Việc vợ chồng chuyển về ở với gia đình chị G là do mâu thuẫn giữa chị G và mẹ anh B, khi đó anh thương vợ nên đã cùng về ở gia đình chị G, điều đó cho thấy trong thời gian vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình anh B rất hạnh phúc và thương nhau, không có mâu thuẫn gì. Sau đó chuyển về ở với bố mẹ chị G tại khu 4 xã C , huyện H , tỉnh Phú Thọ từ đầu năm 2014 đến đầu năm 2017 không xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng từ khi kết hôn sống hòa thuận, hạnh phúc. Anh B đưa ra lý do vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh không đưa ra, không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc vợ chồng anh và chị G có mâu thuẫn. Tại phiên

tòa chị G xác nhận có lần chị viết đơn ly hôn, nhưng để dọa anh B, chị không gửi đơn đến bất cứ đâu, mục đích để bảo vệ hạnh phúc gia đình và anh B có trách nhiệm với gia đình và con cái vì chị thương yêu anh B. Hiện tại cháu Nguyễn Bảo K là con chung của anh chị đang bị bệnh phải điều trị nên rất cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh B cần được duy trì và bảo vệ. Yêu cầu ly hôn của anh B là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật, trái với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị G.

[3] Về con chung , tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Anh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét đề nghị của VKS tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 5, khoản 1 Điều 56 luật HNGĐ; khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh B.

2. **Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay, công sức đóng góp**:

Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

3.Về án phí :

Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003237 ngày 04/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa (Xác nhận anh B đã nộp đủ).

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND H. Hạ Hòa
- Chi cục THADS H. Hạ Hòa
- Lưu HS- VP
- UBND xã Đ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Võ